

Số: 171 /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Công văn số 452/BTC-PC ngày 13/01/2026, Công văn số 1542/BTC-PC của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh năm 2025; Quyết định 105/QĐ-UBND-HC ngày 12/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp) về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là THTK, CLP); các cơ quan, đơn vị, địa phương thị trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp với điều kiện cụ thể tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Từng đơn vị đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời cập nhật các văn bản quy

phạm pháp luật liên quan đến quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể tuyên truyền trong các cuộc họp cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Trung ương¹ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, trong đó có nội dung chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Qua đó đã thực hiện tốt việc tiết kiệm, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Quyết định 105/QĐ-UBND-HC ngày 12/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp), Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 14/8/2025 để chỉ đạo, triển khai các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy, Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo tỉnh về PCTN, lãng phí, tiêu cực; Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Các đơn vị thường xuyên tuyên truyền cho công chức, viên chức và người lao động về các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gồm: Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sửa đổi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 13 thông qua ngày 26/11/2013; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về việc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn

¹ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bên cạnh đó, các chi, đảng bộ cơ sở triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn tỉnh được người đứng đầu quan tâm chỉ đạo, tuyên truyền thông qua các hình thức tuyên truyền như trong các cuộc họp cơ quan và qua hộp thư điện tử của từng công chức, viên chức, người lao động.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các địa phương tổ chức triển khai Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo. Hàng năm, đồng thời với việc gửi báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của năm, dự thảo chương trình, kế hoạch cụ thể của năm sau để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành và triển khai thực hiện.

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 17/01/2025 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025.

- Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND-HC ngày 12/02/2025 về ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025. Căn cứ các Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí này, các đơn vị, địa phương đã thực hiện

xây dựng Chương trình, kế hoạch cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 tại đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý của cơ quan, đơn vị để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, chồng chéo dễ dẫn đến tham nhũng, lãng phí. Tiến hành rà soát hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ đang áp dụng trong tất cả các lĩnh vực, trên cơ sở đó, xác định lại hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và theo quy định của pháp luật.

- Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát và tham mưu đề xuất giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý tại Công văn số 1061/UBND-KSTT ngày 16/9/2025.

b) Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội và Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Ngày 15/11/2022, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 74/2022/QH15 về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo các nội dung tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính có Công văn số 568/STC-VP ngày 07/3/2023 về việc triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội đến các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 398/KH-UBND ngày 22/12/2022 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” trên địa bàn tỉnh triển khai đến các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện.

3. Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương triệt để THTK, CLP

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước và Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và cấp dưới

trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước, đầu tư công, tài sản công, quản lý giá và thẩm định giá; tăng cường công tác quyết toán, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát, công khai, minh bạch; thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, thanh tra.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan Thanh tra lập kế hoạch thanh tra các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kế hoạch thanh tra đã được lập, đồng thời để giải quyết các vấn đề nổi cộm phát sinh, các cơ quan thanh tra đã tiến hành tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng, lãng phí, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các cấp đã thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật như công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định².

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 74/2022/QH15 NGÀY 15/11/2022 CỦA QUỐC HỘI

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. Tình hình ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quản lý tài chính - ngân sách năm 2025, trên cơ sở Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh để làm cơ sở điều hành ngân sách. Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp) phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025. Đầu năm 2025, trên cơ sở dự toán được giao, các sở, ngành và địa

² Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; công khai tài sản theo đúng quy định của Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

phương đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để tổ chức thực hiện trong năm, thực hiện chi tiêu tiết kiệm trong phạm vi dự toán được giao.

- Căn cứ dự toán ngân sách được giao năm 2025, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương; Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025.

- Thực hiện phân bổ và giao dự toán chi các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 ngay từ đầu năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí hiện hành.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp; quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước đảm bảo trong phạm vi dự toán được duyệt.

- Về quản lý tài chính hành chính, sự nghiệp: Trong năm 2025, tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm cơ chế quản lý tài chính theo chế độ quy định về khoán biên chế, chế độ tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp... đặc biệt là thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Cụ thể là:

+ Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Trong năm 2025, số kinh phí tiết kiệm được giao khoán theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của các cơ quan cấp tỉnh là 72.659 triệu đồng, đạt tỷ lệ 8,98% trên tổng số kinh phí được giao tự chủ; của các cơ quan cấp xã là 129.774 triệu đồng, đạt tỷ lệ 8,50% trên tổng số kinh phí được giao tự chủ.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Trong năm 2025, số đơn vị sự nghiệp công lập có chi thu nhập tăng thêm là 1.141/1.284 đơn vị thực hiện tự chủ; tổng số kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm là 724.552 triệu đồng, tổng kinh phí trích lập các Quỹ theo quy định là 837.449 triệu đồng.

1.2. Tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)

Tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là 665.378 triệu đồng (tiết kiệm so với dự toán, kế hoạch được duyệt và tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành), đạt 80,97% so năm 2024 và bằng 115,34% so kế hoạch năm 2025. Bao gồm:

- Tiết kiệm trong dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là 141.020 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong sử dụng và thanh quyết toán NSNN (kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, xăng dầu, văn phòng phẩm, công tác phí, hội nghị, thông tin liên lạc; trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại; tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức) là 646.813 triệu đồng, đạt 217,17% so năm 2024 và bằng 115,7% so kế hoạch năm 2025.

1.3. Tiết kiệm trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng là 636.936 triệu đồng, đạt 114,46% so năm 2024, bằng 94,21% so kế hoạch năm 2025.

1.4. Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất, kinh doanh, chi phí quản lý đầu tư xây dựng) là 545,4 triệu đồng, đạt 9,36% so năm 2024 và bằng 22,33% so kế hoạch năm 2025.

1.5. Trong đầu tư xây dựng là 24.704 triệu đồng đạt 103% so với kế hoạch năm 2025.

Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; Công điện số 190/CD-TTg ngày 07/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc quyết liệt thực hiện các giải pháp để tăng nguồn cung, giảm giá nhà ở, bất động sản, ổn định thị trường. Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Đồng Tháp (Quyết định số 117-QĐ/TU ngày 29/12/2025 của Tỉnh ủy Đồng Tháp).

- Về nhà ở công vụ: Sau khi sáp nhập tỉnh, tỉnh Đồng Tháp đã bố trí nhà ở công vụ cho các cán bộ công chức sau sáp nhập tỉnh là 166 căn hộ. Ngoài ra, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chấp thuận chủ trương dự án nhà ở công vụ tỉnh Đồng Tháp, với quy mô 285 căn hộ, thời gian dự kiến thực hiện dự án 2025-2028. Hiện nay, Sở Xây dựng đã thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án nhà ở công vụ tỉnh Đồng Tháp.

- Về nhà ở thương mại: Tính đến tháng 3/2026, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã hoàn thành và đang thực hiện 40 dự án kinh doanh bất động sản với quy mô 11.890 căn, 2407 nền (cụ thể: 15 dự án đã hoàn thành, 19 dự án đang triển khai

thực hiện, 03 dự án đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, 03 dự án đang thực hiện mời gọi đầu tư.

- Về nhà ở xã hội: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 12 dự án nhà ở xã hội đang triển khai thực hiện với quy mô 4.033 căn. Trong đó: 04 dự án hoàn thành với số lượng 1.175 căn và 08 dự án đang triển khai thực hiện, số lượng là 3.574 căn. Bên cạnh đó, Sở Xây dựng đang phối hợp với các địa phương thực hiện thủ tục mời gọi đầu tư 03 dự án nhà ở xã hội, tổng số căn là 17.268 căn.

1.6. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1.6.1. Công tác quản lý nhà nước về đất đai

a) Công tác lập quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất và kiểm kê đất đai năm 2024 của tỉnh Tiền Giang:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt báo cáo kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đồng thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2024 tại Quyết định số 456/QĐ-BNNMT ngày 03/02/2026.

b) Công tác quản lý đất công

- Kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ kết quả như sau:

STT	Hạng mục	Số dự án	Diện tích (m ²)
1	Thu hồi đất	15	616.729
2	Giao đất	21	488.814,6
3	Cho thuê đất	17	333.733,9
4	Chuyển mục đích sử dụng đất	12	40.890,9
5	Góp vốn	02	26.084
6	Xin chủ trương nhận chuyển nhượng	06	780.255,1
7	Xin chủ trương thuê đất	16	41.882,2
8	Cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức	22	56.896,5
9	Điều chỉnh Quyết định cho thuê đất	1	15.853,5
10	Gia hạn	3	81.324,4
Tổng cộng		99	2.440.581,9

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất (thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường) hiện đang quản lý gồm: 31 khu đất công, nằm rải rác trên địa bàn 18 xã, phường, với tổng diện tích 939,54ha (diện tích theo Quyết định 965,8ha, diện tích giảm do đo đạc lại 7,13ha; chưa nhận thực địa 5,58ha).

+ Đất dự án: Khu G2 diện tích: 14.827,3 m² (khu đất đối diện Trung tâm Hành chính công Đồng Tháp): Đã giao các cơ quan, tổ chức diện tích: 4.262,7 m². Còn lại diện tích 10.564,6m² đang quản lý.

- Cơ sở nhà, đất công: Hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang được cấp thẩm quyền giao quản lý, khai thác tổng số 21 cơ sở nhà, đất, nằm rải rác trên địa bàn 06 xã, phường, với tổng diện tích đất/sàn: 1,33ha/1,23ha.

- Nền khu tái định cư: Trung tâm Phát triển quỹ đất đang quản lý 13 khu tái định cư với tổng số 3.936 nền. Trong đó, đã giao 3.054 nền /3.936 nền; Còn lại đang quản lý 882 nền/3.936 nền.

- Công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thanh lý tài sản công:

+ Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Đồng Tháp (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 06, toạ lạc phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, diện tích 32.066,9m²): Sở Nông nghiệp và Môi trường đang phối hợp với Sở Tài chính về việc xác định chủ sở hữu tài sản trên đất làm cơ sở hoàn chỉnh thủ tục đấu giá khai thác thửa đất 160, tờ bản đồ số 06, diện tích 32.066,9m² toạ lạc tại phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp.

+ Lô đất E3-3 (thửa đất số 38 tờ bản đồ số 16, diện tích 3.066,1 m² tại Khu cửa khẩu quốc tế Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng): UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường đang hoàn chỉnh hồ sơ, thẩm định nội dung trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 45, khu phố 3, phường 6, thành phố Mỹ Tho (nay là phường Thới Sơn) để thực hiện Dự án Khu thương mại, dịch vụ phường 6: UBND tỉnh chỉ đạo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ hoàn chỉnh Phương án đấu giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh phê duyệt theo quy định.

+ Thửa đất số 481, tờ bản đồ số 10 tại xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước (nay là xã Tân Phước 3) để thực hiện Dự án Chợ và Khu phố chợ Tân Lập 1: hiện Trung tâm Phát triển quỹ đất đang lập thủ tục đo đạc lại thửa đất phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã Tân Phước 3 đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của dự án.

+ Thửa đất số 1867, tờ bản đồ số 2 tại xã Long Định, huyện Châu Thành để mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản tại huyện Châu Thành: Ngày 29/10/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 1558/UBND-KT gửi UBND xã Long Hưng, xã Long Định về việc lập quy hoạch chi tiết phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất. Hiện nay, UBND xã

Long Định đang lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan về đề cương, dự toán lập quy hoạch chi tiết phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 2834, tờ bản đồ số 1 tại xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành đề mời gọi đầu tư nhà máy chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất chế biến nông sản tại huyện Châu Thành: ngày 29/10/2025 UBND tỉnh có Công văn số 1558/UBND-KT gửi UBND xã Long Hưng, Long Định về việc lập quy hoạch chi tiết phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Thửa đất số 537, tờ bản đồ số 11 tại Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, phường 9, thành phố Mỹ Tho: đã tổ chức thực hiện đấu giá nhưng không có người tham gia đấu giá. Ngày 30/6/2025 UBND tỉnh Tiền Giang có Công văn số 5200/UBND-KT chấp thuận chủ trương tạm dừng đấu giá cho đến khi có tổ chức, cá nhân quan tâm.

+ Khu Công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp: hiện Ban Quản lý Khu kinh tế đang lập các thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu 1/2000; trình UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

+ Dự án Khu đô thị Bốn Mùa tại phường Sa Đéc và xã Tân Dương: đã tổ chức thực hiện đấu giá 02 lần nhưng không có tổ chức tham gia đấu giá.

- Việc bán thanh lý tài sản trên đất: ngày 24/12/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 9462/SNN&MT-TTPTQĐ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về xử lý tài sản là vật tư thu hồi sau tháo dỡ thuộc dự án Cải tạo, sửa chữa Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật – Công đoàn. Hiện nay, các cơ quan có liên quan đang thực hiện rà soát lại căn cứ pháp lý, thẩm quyền và trình tự xử lý đối với tài sản là vật tư thu hồi sau tháo dỡ đối với tài sản này.

- Tiến độ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) và Khu tái định cư của Dự án:

+ Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư (BQLDA Mỹ Thuận 100%).

+ Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu tái định cư của Dự án đã nhận mặt bằng của các hộ dân ảnh hưởng dự án 100%.

+ Đang xây dựng Khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) đến nay đạt khoảng 67%; Dự kiến đến 30/6/2026 sẽ hoàn thành việc thi công Khu tái định cư và tổ chức giao nền tái định cư trong tháng 6/2026 cho các hộ đủ điều kiện tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre (địa phận tỉnh Tiền Giang) và Khu tái định cư của Dự án.

Phương hướng: Tiến hành thi công khu tái định cư và tổ chức bốc thăm giao nền tái định cư.

c) Công tác định giá đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Thẩm định chính sách và giải quyết vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 144 công trình, dự án.

- Thẩm tra đơn giá đất bồi thường, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất:

+ Phối hợp hợp Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh: 71 công trình, dự án.

+ Trình thông qua Hội đồng thẩm định phương án tỉnh: 50 công trình, dự án.

+ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đơn giá: 34 công trình, dự án.

1.6.2. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo

a) Đối với tài nguyên nước

- Về công tác tuyên truyền pháp luật:

+ Kết quả thực hiện: tổ chức 02 cuộc hội nghị với hơn 300 đại biểu tham dự; đồng thời, tổ chức triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai bằng văn bản đến các Sở ban ngành tỉnh, UBND cấp xã, các tổ chức/cá nhân khai thác tài nguyên nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tổ chức thực hiện các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật³.

+ Hoàn thành các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển và lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 2086/KH-SNN&MT ngày 07/5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tiền Giang và Kế hoạch số 1300/KH-STNMT ngày 28/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

- Về công tác cấp phép, tổ chức cấp phép, đăng ký khai thác tài nguyên nước:

Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 333 giấy phép về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất. Nâng tổng số giấy phép về tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất đến nay 1.029 giấy phép (*còn hiệu lực*). Trong đó: cấp 29 giấy phép thăm dò nước dưới đất, 803 giấy phép khai thác nước

³ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 và các văn bản dưới luật, triển khai các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản; Thông tư số 52/2025/TT-BNNMT ngày 25/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước và các Văn bản hợp nhất của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 13/8/2025: các Văn bản hợp nhất Văn bản số 41/VBHN-BNNMT; Văn bản số 42/VBHN-BNNMT; Văn bản số 43/VBHN-BNNMT; Văn bản số 44/VBHN-BNNMT tổ chức thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực tài nguyên nước đúng quy định và thống nhất trên địa bàn tỉnh

dưới đất (*trương ứng 1.219 giếng*), 09 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 188 giấy phép khai thác nước mặt.

Đồng thời, tỉnh đã tổ chức thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trong năm 2025, đã phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với 239 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền là 9.738 triệu đồng.

b) Về Khoáng sản

Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp phép tổng số 37 mỏ khoáng sản cát sông (gồm: 18 giấy phép khai thác khoáng sản và 19 Bản xác nhận đăng ký khai thác) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và 02 mỏ sét gạch ngói; hiện còn 03 mỏ cát sông đang thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản và 17 mỏ cát sông chưa cấp phép khai thác, dự kiến sẽ xem xét cấp phép phục vụ cho các dự án đầu tư công của tỉnh trong thời gian tới. Cụ thể:

- Đối với cát sông

+ Phục vụ cho các dự án trọng điểm quốc gia

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 32 mỏ cát (13 giấy phép khai thác và 19 Bản xác nhận đăng ký khai thác) với tổng trữ lượng khai thác khoảng 26,09 triệu m³.

Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã phê duyệt (32 mỏ cát) là: 161.434,799 triệu đồng.

+ Phục vụ cho các dự án đầu tư công của tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 02 mỏ cát (02 Giấy phép khai thác) với tổng trữ lượng khai thác khoảng 5,18 triệu m³.

Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã phê duyệt (02 mỏ cát) là: 25.844,604 triệu đồng.

- Đối với 02 mỏ đấu giá phục vụ công trình đầu tư công

+ Mỏ cát trên sông Tiền thuộc xã An Nhơn, huyện Châu Thành (nay là xã Phú Hựu) đã cấp Giấy phép khai thác số 151/GP-UBND ngày 09/10/2025 cho Công ty TNHH Một thành viên Trường An Thoại Sơn (là đơn vị trúng đấu giá). Trữ lượng mỏ cát san lấp 270.440 m³, công suất 100.000m³/năm.

Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã phê duyệt là: 35.627,089 triệu đồng.

+ Mỏ cát trên sông Hậu đoạn thuộc xã Định Yên, huyện Lấp Vò (nay là xã Lai Vung) do Công ty TNHH Đông Thành Lấp Vò Đồng Tháp trúng đấu giá, đã trình UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng: cát san lấp 433.823m³, đất phủ 374.171m³ (chưa hoàn thành hồ sơ cấp phép).

Hiện còn 03 mỏ cát đang thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản và 17 mỏ cát chưa cấp phép khai thác, dự kiến sẽ xem xét cấp phép phục vụ cho các dự án đầu tư công của tỉnh trong thời gian tới.

- Đối với sét gạch ngói:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp được 02 mỏ sét gạch ngói (02 giấy phép khai thác) với tổng trữ lượng khai thác khoảng 4,6 triệu m³.

Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã phê duyệt (02 mỏ sét) là: 23.894,305 triệu đồng.

c) Về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

- Về công tác tuyên truyền pháp luật, kiểm soát việc thi hành pháp luật biển:

Ngày 05/5/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành kế hoạch số 2013/KH-SNN&MT về việc Tổ chức các hoạt động Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới năm 2025.

Ngày 07/5/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 2086/KH-SNN&MT theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, trong đó có theo dõi tình hình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển từ năm 2021 đến năm 2024.

Triển khai thực hiện Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNMT ngày 26/4/2025 và Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BNNMT ngày 26/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 2666/SNN&MT-NKS&B ngày 22/5/2025.

- Về giao khu vực biển:

Trong năm 2025, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 54 Quyết định giao khu vực biển cho 04 tổ chức, 34 cá nhân nuôi trồng thủy sản (hàu), với tổng diện tích là 283,42 ha; tổng số tiền sử dụng khu vực biển nộp ngân sách hàng năm là 1.629,665 triệu đồng.

Lũy kế đến cuối năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 56 Quyết định giao khu vực biển với tổng diện tích là 911,66ha; Tổng số tiền sử dụng khu vực biển nộp ngân sách hàng năm là 4.927,925 triệu đồng.

- Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh

Ngày 30/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ký ban hành Quyết định số 160/2025/QĐ-UBND Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2026.

1.6.3 Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu:

a) Về môi trường:

Trong năm, đã phê duyệt kết quả thẩm định 20 hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), cấp 101 giấy phép môi trường, cấp điều chỉnh 04 giấy phép môi trường, cấp đổi 03 giấy phép môi trường, 685 hồ sơ thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Nhìn chung, công tác tham mưu thẩm

định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường được thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Kịp thời xử lý 22 phản ánh của người thông qua đường dây nóng tiếp nhận của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường cấp tỉnh; đồng thời, công tác quản lý, xử lý chất thải rắn được các địa phương quan tâm thực hiện, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có phương án xử lý hoặc chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa và yêu cầu bức xúc của công tác bảo vệ môi trường, triển khai và phổ biến rộng rãi hơn Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định có liên quan, qua đó nâng cao nhận thức của mỗi người dân tự giác tham gia công tác bảo vệ môi trường.

Tổ chức thu mẫu quan trắc đảm bảo thực hiện theo tiến độ Kế hoạch triển khai chương trình Quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục vận hành ổn định hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục đảm bảo quy trình kỹ thuật để tiếp nhận dữ liệu quan trắc từ các doanh nghiệp. Đồng thời, đã tổ chức Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ kế hoạch quản lý môi trường không khí cấp tỉnh và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp) đến năm 2030.

Công tác thu phí nước thải công nghiệp theo quy định Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và thu phí khí thải theo quy định Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải thực hiện đúng quy định, tính đến thời điểm hiện tại tổng số phí thu được là: 1.896,677 triệu đồng (nước thải công nghiệp) và 36,659 triệu đồng (khí thải).

Công tác quản lý chất thải, đã phối hợp với các địa phương triển khai sâu rộng việc xây dựng và đưa vào sử dụng các hố thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định. Kịp thời tuyên truyền hướng dẫn thực hiện tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới đối với các xã xây dựng nông thôn mới năm 2025; phối hợp với các đơn vị ký kết liên tịch phát động thực hiện các mô hình về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh như mô hình khu dân cư tự quản về bảo vệ môi trường, mô hình đoạn đường không rác, mô hình sáng xanh sạch đẹp, mô hình thùng rác compost, mô hình một hố rác một cây xanh,...; triển khai hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

b) Đa dạng sinh học:

- Tiếp tục phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, IUCN Việt Nam nắm tình hình Dự án “Thích ứng dựa trên hệ sinh thái phía Nam của vùng sông Mê Kông: Tăng cường khả năng chống chịu khí hậu của tiểu vùng sông

Mê Kông mở rộng (GMS) thông qua thích ứng dựa trên hệ sinh thái (EbA) trong khuôn khổ hợp tác Nam – Nam (Hợp phần Việt Nam)”.

- Thực hiện Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Công văn số 5157/BNNMT-BTTN ngày 05/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Biến đổi khí hậu:

- Tham mưu tổ chức thực hiện các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô – dôn trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật) trên địa bàn tỉnh.

- Cập nhật danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

1.7. Trong công tác quản lý, sử dụng điện

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo. Ngày 30/10/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 30/10/2025 về thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030; Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 04/9/2025 thực hiện tiết kiệm điện giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh. Theo đó, ngành Công thương đã thực hiện:

- Tư vấn thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho 23 cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

- Hướng dẫn, hỗ trợ 08 doanh nghiệp, cơ sở tiếp cận nguồn kinh phí khuyến công địa phương để thực hiện đổi mới thiết bị, công nghệ theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính góp phần bảo vệ môi trường.

- Thực hiện rà soát và thông báo danh sách các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hoặc một phần ngân sách nhà nước có mức tiêu thụ điện từ 100.000kWh trở lên trên địa bàn tỉnh; thông báo, triển khai danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2024 trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 tuân thủ các quy định.

- Theo dõi, rà soát, đề nghị các doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất bia và nước giải khát, nhựa, giấy, chế biến thủy sản thực hiện đúng quy định về định mức tiêu hao năng lượng; theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hoặc một phần ngân sách nhà nước có mức tiêu thụ điện hàng năm từ 100.000kWh trở lên, thực hiện đăng ký kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch, tình hình sử dụng

năng lượng theo quy định tại Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ Công Thương.

- Về phát triển nguồn năng lượng tái tạo: tỉnh Đồng Tháp có tổng nguồn năng lượng tái tạo khoảng 365,55 MW, gồm: điện gió 150MW và điện mặt trời mái nhà khoảng 215,55 MW. Năm 2025, sản lượng điện phát ra từ nguồn điện mặt trời mái nhà và điện gió khoảng 695,24 triệu kWh đã hỗ trợ cho nguồn điện quốc gia, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính khoảng 470.399 tấn CO₂ bảo vệ môi trường.

- Về tiết kiệm điện: Trong năm 2025, toàn tỉnh thực hiện tiết kiệm điện được 185.464.733 kWh (*tương đương tiết kiệm khoảng 2,36% điện thương phẩm*), đạt tỷ lệ 112,2% so với kế hoạch (165.307.012 kWh), giảm phát thải khí nhà kính 125.482 tấn CO₂ góp phần bảo vệ môi trường.

1.8. Tiết kiệm trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

a) Về sắp xếp tổ chức bộ máy

- Về cơ quan, tổ chức hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24 tháng 11 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Đồng thời, thực hiện các kết luận, chủ trương từ Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó, hợp nhất tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang thành tỉnh Đồng Tháp từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, kết quả đạt được:

+ Giảm 25 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (so với giai đoạn trước); Theo đó, giảm 196 phòng và tương đương thuộc Sở (so với giai đoạn trước).

+ Giảm 219 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Thành lập 408 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã (mới).

- Về đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Tỉnh đã sắp xếp cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả hoạt động, kết quả đã giảm 319 đơn vị sự nghiệp công lập (so với giai đoạn trước). Việc sắp xếp đa phần dựa trên hợp nhất, sát nhập các đơn vị theo ngành, lĩnh vực, có vị trí thuận lợi.

+ Căn cứ Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về việc sắp xếp đơn vị sự

ng nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ tiếp tục ban hành sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Báo cáo số 50-BC/TU Báo cáo Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 20 tháng 12 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 754/KH-UBND sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, UBND tỉnh đã triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo chủ trương của Trung ương về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Trên địa bàn tỉnh giữ ổn định một số lĩnh vực như y tế, trường phổ thông; đồng thời tiến hành hợp nhất, sáp nhập nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp để hình thành các trường quy mô lớn; tổ chức lại các trung tâm, ban quản lý, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành theo hướng tinh gọn. Ở cấp xã, tăng cường chức năng các trung tâm dịch vụ công, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc và thành lập hệ thống trạm y tế xã, phường.

b) Về tình hình bố trí, sử dụng biên chế của tỉnh

Căn cứ Công văn số 03/CV-BCĐ⁴; Công văn số 09/CV-BCĐ⁵; Công văn số 10/CV-BCĐ⁶; Quyết định số 3233-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Tiền Giang năm 2025; Quyết định số 3235-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đồng Tháp năm 2025; Công văn số 9007-CV/BTCTW ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc điều chỉnh biên chế. Theo đó, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế cho các Sở và tương đương theo nguyên tắc giữ nguyên biên chế được giao của các cơ quan, đơn vị của 02 tỉnh (trước sắp xếp) nhằm đảm bảo theo dự toán kinh phí đầu năm đã cấp cho Tỉnh; giao biên chế cho Ủy ban nhân dân các xã, phường: được giao trên cơ sở biên chế hiện có của cấp huyện, biên chế cán bộ công chức của cấp xã được giao (trước sắp xếp) để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Đối với biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh: Giao biên chế cho các Sở và tương đương là **2.129** biên chế (*bằng với số*

⁴ Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ công chức viên chức khi thực hiện sắp xếp.

⁵ Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp.

⁶ Công văn số 10/CV-BCĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp.

biên chế cán bộ, công chức hành chính cấp tỉnh được giao trước sắp xếp và bổ sung biên chế của Chi cục Quản lý thị trường).

- Đối với tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh: Giao tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh là **6.513** biên chế (*bằng với số biên chế cán bộ, công chức hành chính cấp xã được giao trước sắp xếp*).

- Đối với số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Giao tổng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh là 49.976 biên chế (đã bao gồm biên chế sự nghiệp giáo dục bổ sung các năm học). Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là **2.884** người.

c) Về giải quyết chế độ chính sách tinh giản biên chế

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, theo đó Sở Nội vụ đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế năm 2025 cho 1.077 cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã; Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ.

1.9. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Trong năm 2025, các doanh nghiệp đã chủ động triển khai, tuyên truyền, quán triệt và ban hành các văn bản để triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chú trọng thực hiện đúng việc công khai, minh bạch về thu, chi tài chính; ban hành các quy định về định mức trong sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền của doanh nghiệp hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với tình hình thực tế của từng doanh nghiệp như: Quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương, nội quy lao động, quy trình mua sắm, công tác thanh lý tài sản được thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của nhà nước; thường xuyên cập nhật các chế độ chính sách của Trung ương và địa phương để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi hoặc ban hành mới các quy chế, quy định giúp cho công tác điều hành sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

1.9.1. Trong quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn đã chủ động triển khai, tuyên truyền, quán triệt và ban hành các văn bản để triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Tập trung triển khai thực

hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chú trọng thực hiện đúng việc công khai, minh bạch về thu, chi tài chính; ban hành các quy định về định mức trong sản xuất, kinh doanh theo thẩm quyền của doanh nghiệp hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành phù hợp với tình hình thực tế của từng doanh nghiệp như: Quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương, nội quy lao động, quy trình mua sắm, công tác thanh lý tài sản được thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của nhà nước; thường xuyên cập nhật các chế độ chính sách của Trung ương và địa phương để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi hoặc ban hành mới các quy chế, quy định giúp cho công tác điều hành sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

Hàng năm, Sở Tài chính thực hiện giám sát các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định; giám sát tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc theo dõi, xử lý các vấn đề về tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm doanh nghiệp nhà nước. Tổng hợp, phân tích, đánh giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) báo cáo kết quả giám sát tài chính hàng năm và 6 tháng và hàng năm của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh, tình hình quản lý sử dụng vốn tài sản, tình hình chấp hành chế độ chính sách và thực hiện nghĩa vụ công ích. Từ đó, kiến nghị các giải pháp tăng cường công tác giám sát để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nhà nước, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản công, quản lý, sử dụng có hiệu quả các tài sản hình thành từ nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước. Công tác đánh giá kết quả giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

1.9.2. Về sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo Quyết định số 1479/QĐ-FTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 và theo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trong giai đoạn 2022-2025, tỉnh Tiền Giang có 01 doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa là Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho.

Để thực hiện cổ phần hóa công ty, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch và Quyết định⁷

Hiện nay, Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho đang thực hiện các bước cổ phần hóa theo Kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025. Theo đó, Tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (*Nhà nước đang nắm giữ 98,62%*), tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái là 64,00% vốn điều lệ. Hiện nay, tỉnh đang chỉ đạo các đơn vị liên quan và Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp triển khai lộ trình thoái vốn nhà nước theo Kế hoạch.

1.10. Kết quả thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 trên địa bàn tỉnh

1.10.1. Đánh giá tình hình thực hiện các văn bản pháp luật theo thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương đã được xây dựng và ban hành tương đối đầy đủ theo đúng quy định Chính phủ và thông tư Bộ Tài chính đảm bảo sự đồng bộ và nhất quán giữa các văn bản pháp luật.

- Thực hiện văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công được thực hiện thống nhất, có sự phân công, phân cấp, quy định thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phù hợp với quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh thực hiện phân công, phân cấp, quy định thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phù hợp với quy định pháp luật.

⁷Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 09/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thực hiện chuyển Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho thành công ty cổ phần giai đoạn 2024-2025; Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho; Quyết định số 3684/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho; Quyết định số 3685/QĐ-BCĐ ngày 31/12/2024 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho; Quyết định số 3686/QĐ-BCĐ ngày 31/12/2024 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho.

- Công tác rà soát, sắp xếp lại nhà, đất công được thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là việc tối ưu hóa quỹ đất và trụ sở dời dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Việc xử lý không chỉ dừng lại ở việc thu hồi mà còn gắn liền với phương án khai thác hiệu quả, tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách địa phương.

1.10.2. Tính kịp thời, phù hợp, mâu thuẫn, bất cập của các văn bản đã ban hành; tác động của các văn bản đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Để phục vụ công tác tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp: Ngày 15/6/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Phương án số 276/PA-UBND về việc sắp xếp, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp. Ngày 30/6/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Phương án số 1080/PA-UBND về việc sắp xếp, xử lý tài sản công cấp huyện, cấp xã khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhìn chung các văn bản quy định, hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản công⁸ được ban hành kịp thời, đáp ứng và giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong thực tế quản lý, giúp cho việc quản lý, sử dụng tài sản được chặt chẽ, tiết kiệm ngân sách, đảm bảo công bằng, minh bạch

+ Trên cơ sở Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 124/2025/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

+ Trên cơ sở Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 159/2025/QĐ-CTUBND ngày 23/12/2025 phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Trên cơ sở Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý

⁸Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 12/11/2025 thực hiện xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dời dư không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 1652/QĐ-UBND-HC ngày 24/11/2025; Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 về giao tài sản (xe ô tô, máy móc, thiết bị) tiếp nhận từ cấp huyện sau khi giải thể về cấp xã quản lý, sử dụng theo thẩm quyền; Quyết định số 3123/QĐ-UBND-HC ngày 26/12/2025 giao các cơ sở nhà, đất dời dư của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác, Quyết định số 3124/QĐ-UBND-HC ngày 26/12/2025 giao cơ sở nhà, đất dời dư cấp xã cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, khai thác theo quy định

đôi với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 162/2025/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2025 ban hành thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

+ Trên cơ sở Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

1.10.3. Kết quả sắp xếp trụ sở tài sản công

- Tổng số cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn tỉnh cần xử lý là 448 cơ sở nhà, đất.

- Tổng số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý đến ngày 01/02/2026 là 448 cơ sở nhà, đất. Trong đó:

+ Bố trí làm trụ sở làm việc: 05 cơ sở nhà, đất.

+ Giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà, tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác là: 36 cơ sở nhà, đất.

+ Số cơ sở nhà, đất chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý là: 403 cơ sở nhà, đất.

+ Số cơ sở nhà, đất sử dụng vào các mục đích khác là: 04 cơ sở nhà, đất.

Đây là đợt sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản có quy mô lớn nhất từ trước đến nay, khối lượng các cơ sở nhà, đất dôi dư lớn trong khi nhu cầu sử dụng cho các mục đích của Nhà nước ở từng địa bàn có sự khác nhau. Do đó, việc xử lý phải thực hiện theo nhiều giai đoạn để vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa phải hướng tới mục tiêu ổn định, lâu dài.

1.10.4. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác quản lý, sử dụng tài sản, tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn để các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nắm bắt kịp thời và thực hiện thống nhất, đúng quy định về thẩm quyền, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo việc đầu tư mua sắm và sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát huy kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu

tư, quản lý; Căn cứ Quyết định số 3531/QĐ-BTC ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thời điểm 0h00 ngày 01 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai các văn bản⁹

Trong quá trình triển khai thực hiện chính quyền hai cấp, việc sắp xếp, xử lý khối lượng lớn nhà, đất công đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của ba cơ quan nòng cốt: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Xây dựng. Sở Tài chính chủ trì và phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra rà soát tài sản cố định không sử dụng sau khi sáp nhập, nhằm tận dụng tối đa tài sản hiện có không sử dụng (tủ, bàn ghế, trang thiết bị, máy lạnh...) tại 13 đơn vị, gồm: 04 đơn vị Sở (Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Công Thương) và 09 cơ quan khối Đảng (thuộc Tỉnh ủy quản lý).

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai các văn bản mới ban hành, tổ chức các lớp tập huấn, cập nhật kiến thức nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị, địa phương.

(Đính kèm Phụ lục số 02 - Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025)

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm, hành vi gây lãng phí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội

Năm 2025, ngành thanh tra đã thực hiện 36 cuộc thanh tra¹⁰; trong đó: 22 cuộc thanh tra theo kế hoạch và 14 cuộc thanh tra đột xuất (có 13 cuộc triển khai

⁹ Công văn số 1505/UBND-KT triển khai thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính tiến hành tổ chức Hội nghị tập huấn tổng kiểm kê tài sản tỉnh Đồng Tháp, từ ngày 22 đến ngày 25/12/2025 với khoản gần 2.000 đơn vị tham dự; Công văn số 5267/STC-QLCS ngày 16/12/2025 triển khai hướng dẫn thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo Công văn số 18607/BTC-QLCS ngày 30/11/2025 của Bộ Tài chính thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026; Kế hoạch số 838/KH-UBND về kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 3642/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp (thay thế Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/12/2025); Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 12/11/2025 thực hiện xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Công văn: số 1048/UBND-KT ngày 16/9/2025, số 1217/UBND-KT ngày 25/9/2025, số 1920/UBND-KT ngày 26/11/2025, số 2215/UBND-KT ngày 12/12/2025 về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện sắp xếp, bố trí, xử lý các cơ sở nhà, đất sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

¹⁰ Ngành Thanh tra tỉnh Tiền Giang triển khai: 21 cuộc thanh tra (theo kế hoạch 14 cuộc, đột xuất 07 cuộc); trong đó, năm 2024 chuyển sang 07 cuộc (03 cuộc theo kế hoạch và 04 cuộc đột xuất), trong kỳ 14 cuộc (11 cuộc theo kế hoạch và 03 cuộc đột xuất).

Ngành Thanh tra tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp) triển khai: 13 cuộc thanh tra (theo kế hoạch 06 cuộc, đột xuất 07 cuộc); trong đó, năm 2024 chuyển sang 06 cuộc (03 cuộc theo kế hoạch và 03 cuộc đột xuất), trong kỳ 07 cuộc (03 cuộc theo kế hoạch và 04 cuộc đột xuất).

Thanh tra tỉnh Đồng Tháp triển khai 02 cuộc (theo kế hoạch): thanh tra chuyên đề phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước quản lý; thanh tra chuyên đề

trong năm 2024 chuyển sang và 23 cuộc triển khai trong năm 2025). Nội dung thanh tra chủ yếu: chuyên đề phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước quản lý; chuyên đề các công trình, dự án có khó khăn, vướng mắc, chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, nguy cơ gây thất thoát, lãng phí; việc thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, đất đai, công tác chấm thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025,....

3. Phân tích, đánh giá

3.1. Đánh giá kết quả đạt được

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã trở thành việc làm thường xuyên, cụ thể của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; luôn gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) và Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Số tiền tiết kiệm trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính góp phần tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động.

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, các trụ sở dôi dư đều được tận dụng, cải tạo sửa chữa làm trụ làm việc cho các đơn vị sau sáp xếp hoặc làm nhà ở công vụ, không để tình trạng lãng phí tài sản công.

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, nghị quyết, quyết định quy định chính sách hỗ trợ, giúp nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh. Do đó, nhiều dự án được thúc đẩy khởi công xây dựng trong quý 1 năm 2026.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong năm 2025, mặc dù công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện có hiệu quả, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

a) Thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp từ 01/07/2025, công tác quản lý, sử dụng tài sản công cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế như sau:

- Tỉnh Đồng Tháp có số lượng lớn cơ sở nhà, đất dôi dư sau sáp xếp nhưng nhiều tài sản còn thiếu hồ sơ pháp lý, đặc biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đơn vị cấp xã. Bên cạnh đó, việc xử lý tài sản dôi dư phụ thuộc chủ yếu vào công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng cho phù hợp với mục đích sử dụng đất mới. Tuy nhiên, công tác rà soát, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch liên quan khác phải thực hiện điều chỉnh theo từng thời kỳ, dẫn đến việc sắp xếp, bố trí, xử lý nhà, đất sau khi tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian.

- Tính chất, đặc điểm, quy mô các trụ sở cũ không còn phù hợp với đơn vị hành chính mới. Cụ thể, sau khi giải thể đơn vị hành chính cấp huyện và sáp nhập các xã, trụ sở của các đơn vị hành chính cấp xã mới vừa thừa, vừa thiếu: thừa về số lượng (do sáp nhập từ nhiều xã cũ), nhưng lại thiếu về diện tích và công năng sử dụng tại một điểm để đáp ứng quy mô của đơn vị mới. Điều này dẫn đến việc xây dựng phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc mới rất khó khăn. Bên cạnh đó, trong thời gian đầu sau sáp nhập, tỉnh Đồng Tháp vẫn phải sử dụng đồng thời trụ sở của các xã cũ, dẫn đến phát sinh các khoản kinh phí bảo vệ trụ sở cũ, đồng thời với vận hành trụ sở mới.

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư do sắp xếp; sáp nhập lại đã giao cho cơ quan có chức năng quản lý, xử lý nhưng chưa được khai thác.

- Các trụ sở xã đầu tư theo mô hình cũ nên không phù hợp với quy mô của xã mới sau khi sắp xếp, nhiều trụ sở đã xuống cấp dẫn đến các trụ sở hiện có không đủ diện tích để bố trí làm việc tập trung tại 01 địa điểm mà phải duy trì làm việc tại nhiều địa điểm.

- Việc xử lý trụ sở dôi dư để sử dụng cho các mục đích y tế, giáo dục, công cộng ở một số nơi gặp khó khăn, chưa khả thi do yêu cầu phải đồng bộ với quy chuẩn, quy hoạch ngành; một số trụ sở ở vị trí không thuận lợi, diện tích không phù hợp....

- Nhiều địa phương thiếu đội ngũ chuyên trách quản lý tài sản công, phải kiêm nhiệm nhiều việc sau khi chuyển giao quyền hạn, dẫn đến công tác quản lý tài sản công chưa sâu sát, số liệu báo cáo liên quan đến tài sản công chưa đầy đủ, trễ hạn so với quy định, việc tiếp cận với các quy định mới nhất là xử lý tài sản dôi dư sau sắp xếp bộ máy còn hạn chế...

b) Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản

- Một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu về nội dung và thời gian, số liệu báo cáo chưa nhất quán theo kỳ báo cáo, hoặc chỉ gửi báo cáo về số liệu nhưng chưa phân tích đánh giá tình hình thực hiện tiết kiệm... Từ đó, làm cho công tác tổng hợp đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn tỉnh gặp khó khăn, số liệu cập nhật chưa đảm bảo tính chính xác cao.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong nhân dân được thực hiện bằng công tác tuyên truyền giáo dục tại cộng đồng nên việc đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ tập trung vào ý thức tiết kiệm trong Nhân dân, không thể thống kê được số lượng cụ thể.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN

1. Trong công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối của ngân sách địa phương và nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động, kịp thời phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng như: kinh phí xóa nhà tạm, nhà dột nát; kinh phí chi tặng quà Nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/9; chi trả chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; kinh phí mua sắm, sửa chữa trụ sở cơ quan khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kinh phí hỗ trợ hộ chăn nuôi có động vật bị tiêu hủy; kinh phí khắc phục hậu quả sạt lở,...

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi đến quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước. Trong công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện theo dự toán được giao, bổ sung kinh phí kịp thời cho ngân sách cấp dưới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao đảm bảo theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương còn thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước hiệu quả trong tổ chức hội, họp, điện, nước, văn phòng phẩm, sửa chữa trang thiết bị làm việc... trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 (tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước).

Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 45.432,871 tỷ đồng, đạt 127,38% dự toán năm, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Thực hiện giao dự toán vốn đầu tư ngay từ đầu năm và các Chủ đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh hoàn thành tốt công tác chuẩn bị đầu tư nên việc đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Ước chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2025 là 15.283,247 tỷ đồng, đạt 134,69% dự toán năm.

- Chi thường xuyên: 26.748,542 tỷ đồng, đạt 113,04% so với dự toán năm, bằng 130,38 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công

Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp thực hiện quản lý, sử dụng tài sản đúng theo phân cấp thẩm quyền, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định hiện hành.

- Các đơn vị, địa phương đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan mình đúng theo quy định.

- Việc mua sắm tài sản được thực hiện đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và công khai minh bạch.

- Các đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc công khai đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định. Dự toán kinh phí đầu tư mua sắm tài sản hàng năm của các đơn vị được công khai sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công khai theo quy định thông qua các hình thức: công bố trong cuộc họp cơ quan, tại Hội nghị công chức, viên chức của đơn vị và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Tài sản công tại các đơn vị được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, được mở sổ sách, lập hồ sơ để theo dõi tài sản theo quy định của Luật Quản lý sử dụng tài sản công và chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Việc thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước được thực hiện thống nhất, đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Chế độ quản lý, sử dụng số tiền từ hoạt động bán, thanh lý tài sản nhà nước được quản lý chặt chẽ, sử dụng cho hoạt động thanh lý và nộp ngân sách đúng theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm các đơn vị tiến hành công tác kiểm kê tài sản để hạch toán và theo dõi theo đúng quy định.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, trong năm 2025 (từ ngày 01/7/2025), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định thanh lý 14 phương tiện giao thông; điều chuyển 05 phương tiện giao thông.

(Đính kèm Phụ lục số 06 - Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2025)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh. Triển

khai cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng; khu dân cư; tập trung vào việc xây dựng nếp sống mới, phê phán các biểu hiện xa hoa, lãng phí trong xã hội.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xác định tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công khai, minh bạch trong quản lý tài chính – ngân sách; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững...

2. Các giải pháp

- Chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, tổ chức chi theo dự toán. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai và giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

- Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công và thực hiện các chương trình, dự án đầu tư một cách công khai, minh bạch và đảm bảo tính khả thi. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thực sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập để phát huy tính chủ động, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, tài sản, tài chính của Nhà nước và thu hút các nguồn lực ngoài Nhà nước, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở tính đúng tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình; hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính kết hợp chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhằm giảm chi phí, thời gian, nâng cao hiệu quả công việc; Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, họp trực tuyến.

- Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 10/12/2025 trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh theo quy định, theo dõi lĩnh vực nào có chuyển biến tích

cực sẽ được tiếp tục phát huy, ngược lại, lĩnh vực nào chưa có chuyển biến tốt, còn lãng phí... sẽ tiếp tục quản lý chặt chẽ hơn nữa nhằm thực hiện đúng chủ trương và chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực, nhất là chi tiêu ngân sách, tài sản công để đáp ứng yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện phân phối, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, lãng phí không cần thiết.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trên các lĩnh vực như: quản lý và sử dụng ngân sách, quản lý đất đai, quản lý tài nguyên nước, khai thác khoáng sản... mua sắm và sử dụng tài sản cơ quan, kiểm tra công vụ đối với công chức, viên chức và người lao động. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để giảm thiểu chi phí và thời gian trong xử lý công việc. Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân tại đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công chức theo tinh thần Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương. Đồng thời, triển khai, tuyên truyền, quán triệt đến các đơn vị, cá nhân về Luật số 132/2025/QH15 ngày 10/12/2025 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng.

- Đẩy mạnh thực hiện việc kiểm tra, thanh tra các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; gắn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác phòng, chống tham nhũng. Thực hiện công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục tham mưu sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị; sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Tham mưu giao biên chế hành chính cho các Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp xã, giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và giao biên chế năm 2027 theo quy định. Tham mưu tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai đảm bảo đúng quy định pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất phải đưa đất vào sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí đất đai. Quản lý chặt chẽ quỹ đất công; Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đúng quy định. Hướng dẫn UBND xã, phường thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đúng quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, đất đai nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về đất đai góp phần nâng cao hiệu quả về quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý tài nguyên tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý; đồng thời, thực hiện công khai, minh bạch đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên.

- Thực hiện công khai, minh bạch đối với công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển; khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác. Tăng cường các hoạt động giám sát thi công công trình theo quy định của pháp luật, đồng thời phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp triển khai việc giám sát cộng đồng đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia... thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm ngăn chặn và giảm thiểu việc lãng phí trong quản lý đất đai ở các lĩnh vực như: công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất... Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường phòng chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng trong quản lý và sử dụng đất; giải phóng tối đa nguồn lực đất đai và khai thác, phát huy cao nhất nguồn lực đất đai để góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện báo cáo; đảm bảo tính kịp thời, chính xác, nhất quán trong nội dung và số liệu báo cáo để phục vụ cho việc chỉ đạo quản lý, điều hành công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ việc cấp phép và hoạt động khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo nguyên tắc bảo vệ và tiết kiệm nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; Thẩm định, tính toán đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền giao khu vực biển theo quy định; Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt

động khai thác khoáng sản, tài nguyên nước nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác khoáng sản, tài nguyên nước trái phép, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan khẩn trương tham mưu, xử lý các trường hợp lấn, chiếm đất theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách, cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nhằm bảo vệ khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên, đảm bảo sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên và môi trường. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, khoáng sản và biển nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của toàn xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên nước, khoáng sản và biển.

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa các chính sách, pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương; kịp thời tham mưu lãnh đạo giải quyết các vấn đề tài nguyên phát sinh thực tế tại địa phương.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ THTK, CLP

1. Hoàn thiện thể chế về phòng, chống lãng phí

Đề nghị Bộ Tài chính và các Bộ ngành có liên quan tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác phòng, chống lãng phí; ban hành các tiêu chí thi đua cụ thể về thực hành tiết kiệm chống lãng phí để thực hiện thống nhất trong toàn quốc trong phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.

- Kiến nghị Bộ Tài chính sớm hoàn thiện quy trình xử lý trụ sở, cơ sở nhà, đất để cắt giảm quy trình, thủ tục sắp xếp hiện hành tạo điều kiện cho chính quyền địa phương chủ động, linh hoạt trong việc bố trí, xử lý trụ sở, cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác tổng hợp báo cáo thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

- Sớm xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để các đơn vị, địa phương thực hiện theo dõi, khai thác dữ liệu để phục vụ công tác báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

2. Công tác thanh tra

Đề nghị Thanh tra Chính phủ thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, đạt mục đích thanh tra, góp phần tăng cường hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống lãng phí.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng nghiên cứu VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT (H.Phương). *HP*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ch*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh
Nguyễn Thành Diệu

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**Kỳ báo cáo: Năm 2025**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	322	108	105	32.61	97.22	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	19	53	54	284	101.89	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	228	8	7	3.07	87.50	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	7	0	0	0.00		
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	9,110	0	0	0.00		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng	821,774	576,890	665,378	80.97	115.34	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng	523,940	17,869	18,565	3.54	103.90	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	523,940	17,869	18,565	3.54	104	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng	297,833.63	559,021.48	646,813.24	217.17	115.70	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	100,551.83	76,379.63	63,100.79	62.75	82.61	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>14,360.09</i>	<i>9,725.24</i>	<i>7,569.36</i>	<i>52.71</i>	<i>77.83</i>	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>7,070.56</i>	<i>5,645.17</i>	<i>4,060.24</i>	<i>57.42</i>	<i>71.92</i>	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>18,035.31</i>	<i>12,152.93</i>	<i>12,152.93</i>	<i>67</i>	<i>100.00</i>	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>9,062.88</i>	<i>4,923.84</i>	<i>3,217.84</i>	<i>35.51</i>	<i>65.35</i>	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>7,008.22</i>	<i>6,157.36</i>	<i>5,381.21</i>	<i>76.78</i>	<i>87.39</i>	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>12,292.87</i>	<i>11,435.14</i>	<i>8,397.37</i>	<i>68.31</i>	<i>73.43</i>	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>4,348.02</i>	<i>3,993.03</i>	<i>3,193.24</i>	<i>73.44</i>	<i>79.97</i>	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>7,155.78</i>	<i>5,481.65</i>	<i>5,696.01</i>	<i>79.60</i>	<i>103.91</i>	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	triệu đồng	21,218.09	16,865.27	13,432.59	63	79.65	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	3,940.50	213,937.85	278,956.34			
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	1,031.11	2,964.84	2,538.86	246.23	85.63	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	2,909.39	210,973.02	276,417.48			
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng	1,216.00	2,533	596		24	
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	71.90	207,836	274,884		132	
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng	149.40	594	700.00	468.54	117.85	
	<i>Các nội dung khác</i>	triệu đồng	1,472.09	10.00	237.00	16.10	2,370.00	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	168,064.66	99,310.24	145,801.32	86.75	146.81	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	2,902	3,580	1,941		54.21	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	10.00	320	393		122.81	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	22,120	165,296	156,603	707.97	94.74	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	244.64	198	18	7.44	9	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	633	1,340	1,340			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	2	0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	1,683	0.00	0.00			
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	730	235	264		112	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	33	11	17		155	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	26	10	15		150	
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc	389	236	266		113	
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	88.00	261	320			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng	556,477	676,101	636,936	114.46	94.21	
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng	556,477	676,101	636,936			
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án		0.00	0.00			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	556,477	676,101	636,936	114.46	94.21	
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	107,681	215,938.65	209,548.53	194.60	97.04	
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	383,937	460,114	427,330.40	111.30	93	
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	15,157	20	18.00	0.12	90	
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	49,702	29.00	39.22	0.08	135.24	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		0.00	91,901.00			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	53,076	0.00	6			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	6,773,247.09	2,822,547.59	3,604,074.98		127.69	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	26,775.70	70,927.98	214,015.98		301.74	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	12,239.00	14,789.50	42,864.79	350.23	289.83	
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2	3,041,103.26	2,878,686.07	3,775,226.17	124.14	131.14	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	24,291.64	53,766.23	53,766.23	221.34	100.00	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2		36,695.00	36,704.00			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	41.00					
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2	11,104.00	90,461.23	90,470.23	814.75	100.01	
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	111,251.6	527.30	527.3		100.00	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	48,942.10	527.30	527.30	1.08	100.00	
1.3	Diện tích đất cho thuê trái pháp luật	m2	154.00					
1.4	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	43.00	105.94	105.940	246.37	100.00	
1.5	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	42					
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	962.00					
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng		992.00	0.00		0.00	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp		3,606.50			0.00		
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng	5,827.5	2,443.0	545.4	9.36	22.33	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	1,216	7	15	1	212.86	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	658	314	521	79	165.83	
	Tiết kiệm điện	Kw/h	614,005	1,944	2,889	0	149	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	3,189	368	542	17	147	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	3,954	2,122.00	10	0.25	0.46	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng		23,880.00	24,704.00		103	
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án		40	40		100	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án		40	40		100	
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng	21.00	23,880.00	22,707.00		95	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		11,940.00	9,943.00		83.27	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>		9,707.00	11,006.00		113.38	
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>	21.00	2,233.00	1,531.00		69	
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>		0.00	227.00			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác	<i>triệu đồng</i>						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN			0.00	1,997.00			
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>		0.00	1,997.00			
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>	9	18	22		122	
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>		0	1			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>		0.00	1,442.00			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>	1	1	1		100	
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>		0.00	0.00			
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	<i>chiếc</i>	8	17	22		129	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	36,729.02	50.00	322.00	0.88	644	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	36,717.02	0.00	0.00	0.00		
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	3,842,492.10	1,609,144.00	1,609,144.00	41.88	100	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	4,063,827.50	1,609,144.00	1,609,144.00	39.60	100	
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ	49,425					
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	58					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc	58					
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	100					
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị	10					

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2024 (%)	So sánh với kế hoạch năm 2025 (%)	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	2,665					
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	1,683					

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI
THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 3 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	100	91
A	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	9
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	5
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	2
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	2
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	35
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	5
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	0
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	0
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	30	27
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	12
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	
2	Từ 50%- 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	12
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện	10	10
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện, xã có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	10
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
E	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3